

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ BÌNH MINH
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2021/DS-ST
Ngày: 13/5/2021
V/v “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BÌNH MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lý Thị Thúy Quỳnh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Thiên

Bà Nguyễn Thị Kim Loan

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Huyền Trang - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Bình Minh tham gia phiên tòa:
Không thuộc trường hợp tham gia phiên tòa.

Ngày 13 tháng 5 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Bình Minh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 149/2020/TLST-DS ngày 17/11/2020 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2021/QĐXXST-DS, ngày 01 tháng 4 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Cao Thành T, sinh năm 1960; Nơi cư trú: Đường S, tổ 8, khóm Đ, phường T, thị xã M, tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có bà Phạm Diễm T1, sinh năm 1980; Nơi cư trú: Tổ 01, khóm 4, phường P, thị xã M, tỉnh Vĩnh Long, có mặt. (Theo văn bản ủy quyền ngày 12/11/2020)

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Thanh T2, sinh năm 1979; Nơi cư trú: Tổ 01, khóm 5, phường V, thị xã M, tỉnh Vĩnh Long, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 16/11/2020 và các lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Cao Thành T có bà Phạm Diễm T1 trình bày: Vào ngày 21/01/2019, ông T có cho ông Nguyễn Thanh T2 vay số tiền 80.000.000đồng, lãi suất 5%/tháng, không ghi thời hạn trả tiền nhưng hai bên có thỏa thuận khi nào ông T cần tiền thì thông báo cho ông T2 biết, biên nhận tiền là do ông T2 viết tay. Sau khi vay, ông T2 không đóng lãi đúng như đã hứa mà chỉ đóng lãi được 05 tháng với số tiền 20.000.000đồng. Đầu năm 2020 vì cần vốn kinh doanh nên ông T yêu cầu ông T2 trả số nợ gốc 80.000.000đồng và tiền lãi thì ông T2 có hứa đến ngày 25/5/2020 sẽ trả nhưng sau đó ông T2 không trả nợ gốc và cũng không đóng lãi. Nay ông T có bà T1 đại diện yêu cầu Tòa án nhân dân thị xã Bình Minh giải quyết buộc ông Nguyễn Thanh T2 có trách nhiệm trả lại số tiền 84.800.000 đồng, trong đó nợ gốc là 80.000.000đồng và tiền lãi từ ngày 25/5/2020 đến ngày 25/11/2020 là 06 tháng x lãi suất 1%/tháng = 4.800.000đồng, tổng cộng là 84.800.000đồng và yêu cầu tiếp tục tính lãi đến khi có quyết định hoặc bản án có hiệu lực pháp luật.

- Bị đơn Nguyễn Thanh T2 mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng gồm: Thông báo về việc thụ lý vụ án số 149/2020/TB-TLVA ngày 17/11/2020, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải số 954/2020/TB-TA ngày 07/12/2020, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải số 99/2021/TB-TA ngày 22/02/2021, thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải số 52/2021/TB-TA ngày 15/3/2021, Thông báo số 51/2021/TB-TA ngày 15/3/2021 v/v có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp nhưng ông T2 không cung cấp bản khai ý kiến và không đến Tòa án để trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Cao Thành T.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Nguyên đơn Cao Thành T có bà T1 đại diện thay đổi yêu cầu khởi kiện tự nguyện khấu trừ số tiền lãi 20.000.000đồng mà ông T2 đã trả vào số nợ gốc, ông T chỉ yêu cầu ông T2 trả lại số nợ gốc 60.000.000đồng và trả tiền lãi từ ngày 25/5/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm là 6.960.000đồng, tổng cộng là

66.960.000đồng. Ngoài ra, yêu cầu ông T2 phải tiếp tục chịu tiền lãi chậm trả đối với số tiền chưa trả theo khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Bị đơn Nguyễn Thanh T2 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần hai nhưng vẫn vắng mặt không rõ lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn ông T khởi kiện bị đơn Nguyễn Thanh T2 có nơi cư trú tại phường V, thị xã M, tỉnh Vĩnh Long, do đó Tòa án nhân dân thị xã Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long thụ lý và giải quyết vụ án theo thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa sơ thẩm, ông T có bà T1 đại diện thay đổi yêu cầu khởi kiện tự nguyện khấu trừ số tiền lãi 20.000.000đồng mà ông T2 đã trả vào số nợ gốc, ông T chỉ yêu cầu ông T2 trả lại số nợ gốc 60.000.000đồng và trả tiền lãi từ ngày 25/5/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm là 6.960.000đồng, tổng cộng là 66.960.000đồng. Xét việc đại diện nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện không vượt quá yêu cầu khởi kiện ban đầu nên được Hội đồng xét xử xem xét theo quy định tại khoản 1 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Ngày 19/4/2021, Tòa án nhân dân thị xã Bình Minh mở phiên tòa sơ thẩm lần thứ nhất, ông Nguyễn Thanh T2 đã được tổng đạt hợp lệ: Quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập xét xử vào ngày 01/4/2021 nhưng ông T2 vắng mặt không rõ lý do. Tại phiên tòa hôm nay, ông T2 đã được tổng đạt hợp lệ: Quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập xét xử vào ngày 23/4/2021 nhưng ông T2 vẫn vắng mặt không rõ lý do. Do bị đơn ông T2 đã được Tòa án triệu tập xét xử hợp lệ hai lần mà vẫn vắng mặt không rõ lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn Nguyễn Thanh T2.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông T yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn Nguyễn Thanh T2 trả số tiền 66.960.000đồng, trong đó nợ

gốc là 60.000.000đồng và tiền lãi từ ngày 25/5/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm là 6.960.000đồng, xét thấy:

[2.1] Giấy biên nhận viết ngày 21/01/2019 do ông T cung cấp thể hiện ông T2 có mượn của ông T số tiền 80.000.000đồng, lãi suất 5%/tháng, bà T1 đại diện cho ông T xác định nội dung biên nhận là do ông T2 viết và ký tên, ghi rõ họ tên. Trong quá trình giải quyết vụ án, ông T2 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ và Thông báo về việc có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp nhưng ông T2 không đến Tòa án trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của ông T nên phải chịu hậu quả bất lợi theo khoản 4 Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự. Do đó có căn cứ xác định giấy biên nhận viết ngày 21/01/2019 do ông T cung cấp thể hiện ông T2 có mượn của ông T số tiền 80.000.000đồng là có thật, nội dung thể hiện sự tự nguyện thỏa thuận của các bên. Tại phiên tòa sơ thẩm, bà T1 đại diện cho nguyên đơn thừa nhận ông T2 đã trả 5 tháng tiền lãi là 20.000.000đồng và tự nguyện khấu trừ số tiền lãi 20.000.000đồng vào số tiền gốc 80.000.000đồng. Vì vậy, Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông T, buộc ông T2 có nghĩa vụ trả lại cho ông T số nợ gốc 60.000.000đồng.

[2.2] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông T yêu cầu ông T2 trả tiền lãi từ ngày 25/5/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm với lãi suất 1%/tháng với số tiền là 6.960.000đồng, xét thấy:

Theo biên nhận viết ngày 21/01/2019, ông T và ông T2 thỏa thuận lãi suất là 5%/tháng là vượt quá mức lãi suất 20%/năm quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 nên cần điều chỉnh lại mức lãi suất. Tuy nhiên, khi khởi kiện mức lãi suất nguyên đơn yêu cầu là 1%/tháng không vượt quá mức lãi suất 20%/năm quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 là có lợi cho bị đơn ông T2 nên có cơ sở để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Xét việc ông T cho ông T2 vay tiền không có kỳ hạn trả, bà T1 đại diện cho nguyên đơn xác định ngày ông T2 vi phạm nghĩa vụ trả nợ là ngày 25/5/2020. Do đó, ông T2 phải trả số tiền lãi tính từ ngày 25/5/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm là: $60.000.000\text{đồng} \times 1\%/\text{tháng} \times 11\text{ tháng} = 6.960.000\text{đồng}$.

Từ những căn cứ trên, Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông T có bà T1 đại diện, buộc ông T2 có nghĩa vụ trả

lại cho ông T số tiền 66.960.000đồng, trong đó nợ gốc là 60.000.000đồng và tiền lãi tính từ ngày 25/5/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm là 6.960.000đồng.

[3] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên ông T2 phải chịu phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với số tiền phải trả theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 469 của Bộ luật Dân sự năm 2015 ;

Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Cao Thành T có bà Phạm Diễm T1 làm đại diện:

1. Buộc ông Nguyễn Thanh T2 có nghĩa vụ trả cho ông Cao Thành T số tiền 66.960.000đồng (Sáu mươi sáu triệu chín trăm sáu mươi nghìn đồng), trong đó nợ gốc là 60.000.000đồng (Sáu mươi triệu đồng) và tiền lãi tính từ ngày 25/5/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm là 6.960.000đồng (Sáu triệu chín trăm sáu mươi nghìn đồng).

2. Về trách nhiệm do chậm thi hành án: Kể từ ngày ông Cao Thành T có đơn yêu cầu thi hành án, ông Nguyễn Thanh T2 chưa tự nguyện thi hành án xong thì hàng tháng ông Nguyễn Thanh T2 còn phải chịu tiền lãi chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về án phí: Buộc ông Nguyễn Thanh T2 phải chịu 3.348.000 đồng (Ba triệu ba trăm bốn mươi tám nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho ông Cao Thành T số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm 2.120.000đồng (Hai triệu một trăm hai mươi nghìn đồng) theo biên lai thu số 0010536 ngày 17/11/2020 của Chi cục Thi hành án Dân sự Thị xã Bình Minh.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án; quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Án xử công khai, ông Cao Thành T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, ông Nguyễn Thanh T2 được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long: 01;
- Viện kiểm sát nhân dân thị xã Bình Minh: 01;
- Chi cục thi hành án DS thị xã Bình Minh: 01;
- Đường sự: 02;
- Lưu hồ sơ vụ án: 04.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(ĐÃ KÝ)

LÝ THỊ THÚY QUỲNH